| CÔNG TY CỔ PHẦN<br>CÀ PHÊ EA PỐK | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|---|---|
| Số: 42/TB-EPC | *CưM'gar, ngày 18 tháng 4 năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**
**Về kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 – Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk.**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt đồng của Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk;*

*Căn cứ vào Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023*

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả tiền lương thù lao HĐQT, BKS trong năm 2024. Cụ thể như sau:

**I. Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024:**

| TT | Họ và tên | Thù lao (đồng) | Tiền lương (đồng) | Phụ cấp khác | Tổng cộng | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Năm 2024 | Bình quân (đồng/tháng) |
| **I** | **Hội đồng quản trị** | **192.000.000** | **338.239.718** | **5.055.600** | **535.295.318** | |
| 1 | Ngô Văn Hùng | 108.000.000 | 240.000.000 | | 348.000.000 | 29.000.000 |
| 2 | Huỳnh Thị Thu Thủy | 42.000.000 | 98.239.718 | 5.055.600 | 145.295.318 | 12.107.943 |
| 3 | Nguyễn Văn Dương | 42.000.000 | | | 42.000.000 | 3.500.000 |
| **II** | **Ban Kiểm soát** | **60.000.000** | **110.471.199** | **8.944.800** | **179.415.999** | |
| 1 | Trần Thị Bích Ngọc | 36.000.000 | | | 36.000.000 | 3.000.000 |
| 2 | Phùng Thị Diễm | 12.000.000 | | | 12.000.000 | 1.000.000 |
| 3 | Nguyễn Thị Thúy | 12.000.000 | 110.471.199 | 8.944.800 | 131.415.999 | 10.951.333 |
| | **Tổng cộng** | **252.000.000** | **448.710.917** | **14.000.400** | **714.711.317** | |

**II. Xây dựng kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 như sau:**

| TT | Họ và tên | Thù lao/tháng | Thù lao/năm | Tiền lương và Phụ cấp khác Đồng/tháng |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Hội đồng quản trị** | **17.000.000** | **192.000.000** | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 9.000.000 | 108.000.000 | 20.000.000 đ/tháng |
| 2 | Thành viên HĐQT | 3.500.000 | 42.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| 3 | Thành viên HĐQT | 3.500.000 | 42.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| **II** | **Ban Kiểm soát** | **5.000.000** | **60.000.000** | |
| 1 | Trưởng ban kiểm soát | 3.000.000 | 36.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| 2 | Thành viên BKS | 1.000.000 | 12.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| 3 | Thành viên BKS | 1.000.000 | 12.000.000 | Theo thang bảng lương do công ty xây dựng |
| | **Tổng cộng** | **22.000.000** | **252.000.000** | |

Thực hiện áp dụng thực hiện: từ tháng 5/2025 đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Thù lao của HĐQT và BKS được chi trả hàng tháng theo quy định về chi trả lương cho cán bộ nhân viên công ty và quyết toán vào cuối năm tài chính;

Tiền lương và các khoản phụ cấp của Thành viên HĐQT/thành viên BKS thực hiện theo thang/bảng lương do công ty xây dựng tại Quyết định số 20A/QĐ-CT ngày 10/01/2019;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PỐK**
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 6000183114 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PỐK - H. CƯ M'GAR - T. ĐẮK LẮK

*Ngô Văn Hùng*